

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2024

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Bắc

Bà Nguyễn Thị Phương Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thủy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hầu Văn P, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang cư trú: Số A, ngõ A, đường T, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn anh Hầu Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Trong quá trình chung sống, do áp lực của cuộc sống và gánh nặng gia đình nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Năm 2018 chị T đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, chị T không quan tâm tới gia đình, anh tự phải nuôi con ăn học. Nay anh P xác định tình cảm vợ chồng đối với chị T không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hầu Long T1, sinh năm 2002 đã trưởng thành và cháu Hầu Vũ L, sinh ngày 22/02/2011. Khi ly hôn anh P xin được nuôi con chung Hầu Vũ L. Về cấp dưỡng: Anh P không đề nghị chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại văn bản trả lời quan điểm giải quyết vụ án ly hôn của bị đơn chị [Đặng Thị T](#) gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Chị [T](#) xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân đúng như lời khai của anh [Hầu Văn P](#). Về quan hệ hôn nhân, chị xác định hai vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân nhau. Nay anh [P](#) xin ly hôn, chị nhất trí.

Về con chung: Có hai con chung là [Hầu Long T1](#), sinh năm 2002 sức khỏe tốt, đã trưởng thành, và [Hầu Vũ L](#), sinh năm 2011 hiện nay đang ở cùng anh [Hầu Văn P](#) tại [Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên](#), nay ly hôn chị [T](#) thoả thuận giao cháu [L](#) cho chị [T](#) nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh [P](#) tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị [T](#) xác định không có.

Hiện nay, do chị [T](#) đang ở nước ngoài nên chị [T](#) không thể về Việt Nam trực tiếp giải quyết và có nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt. Chị [T](#) uỷ quyền cho anh [P](#) (là nguyên đơn) trong vụ án thay mặt chị [T](#) nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh [Hầu Văn P](#) là nguyên đơn đang cư trú tại [Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam](#). Chị [Đặng Thị T](#) trước khi đi Đài Loan có Hộ khẩu thường trú tại [Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam](#). Theo công văn số 386/PA08(Đ1) ngày 22/11/2023 của [Công an tỉnh T](#) xác định chị [Đặng Thị T](#) đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất chị [T](#) xuất cảnh ngày 11/6/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Tài liệu chị [T](#) gửi về Việt Nam gồm bản tự khai, hộ chiếu đều được chứng thực của [Văn phòng K](#) tại [Đ](#). Do vậy, có đủ cơ sở xác định nội dung các văn bản của chị [Đặng Thị T](#) gửi cho Tòa án là đúng ý chí, nguyện vọng của chị [T](#).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Chị [T](#) đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh [Hầu Văn P](#) và chị [Đặng Thị T](#) trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam](#) là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì chị [T](#) sang nước ngoài làm việc từ 2018, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đã ly thân nhau, theo chị [T](#) từ năm 2020 vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Anh [P](#) xin ly hôn chị [T](#) nhất trí. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng

giữa anh [Hầu Văn P](#) và chị [Đặng Thị T](#) đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh [P](#), cho anh [P](#) được ly hôn với chị [Đặng Thị T](#) là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Anh [Hầu Văn P](#) và chị [Đặng Thị T](#) có 02 con chung là [Hầu Long T1](#), sinh năm 2002 đã trưởng thành và cháu [Hầu Vũ L](#), sinh ngày 22/02/2011 hiện nay đang ở cùng anh [P1](#). Tại phiên toà anh [P1](#) có nguyện vọng được nuôi con chung, tại bản tự khai của chị [T](#) đề nghị được trực tiếp nuôi con chung [Hầu Vũ L](#).

Hội đồng xét xử thấy, cháu [Hầu Vũ L](#) hiện nay đang ở cùng anh [P1](#). Chị [T](#) hiện nay đang ở Đà Loan, do vậy để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu [L](#) khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao con chung [Hầu Vũ L](#) cho anh [P1](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, đảm bảo đúng các quy định tại Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị [T](#) do anh [P1](#) không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh [P1](#) và chị [T](#) không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết.

Án phí: Anh [P1](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về đường lối giải quyết vụ án được đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37; khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh [Hầu Văn P](#) đối với chị [Đặng Thị T](#).

1. Về hôn nhân: Cho anh [Hầu Văn P](#) được ly hôn chị [Đặng Thị T](#)

2. Về con chung: Giao 01 con chung là [Hầu Vũ L](#), sinh ngày 22/02/2011, cho anh [Hầu Văn P](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị [Đặng Thị T](#) có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị [T](#) do anh [P](#) không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Anh [Hầu Văn P](#) phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn đã nộp, biên lai số 0000043 ngày 27/11/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh [Hầu Văn P](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị [Đặng Thị T](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND TT Sông Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)
Lê Thị Hồng Phương

